

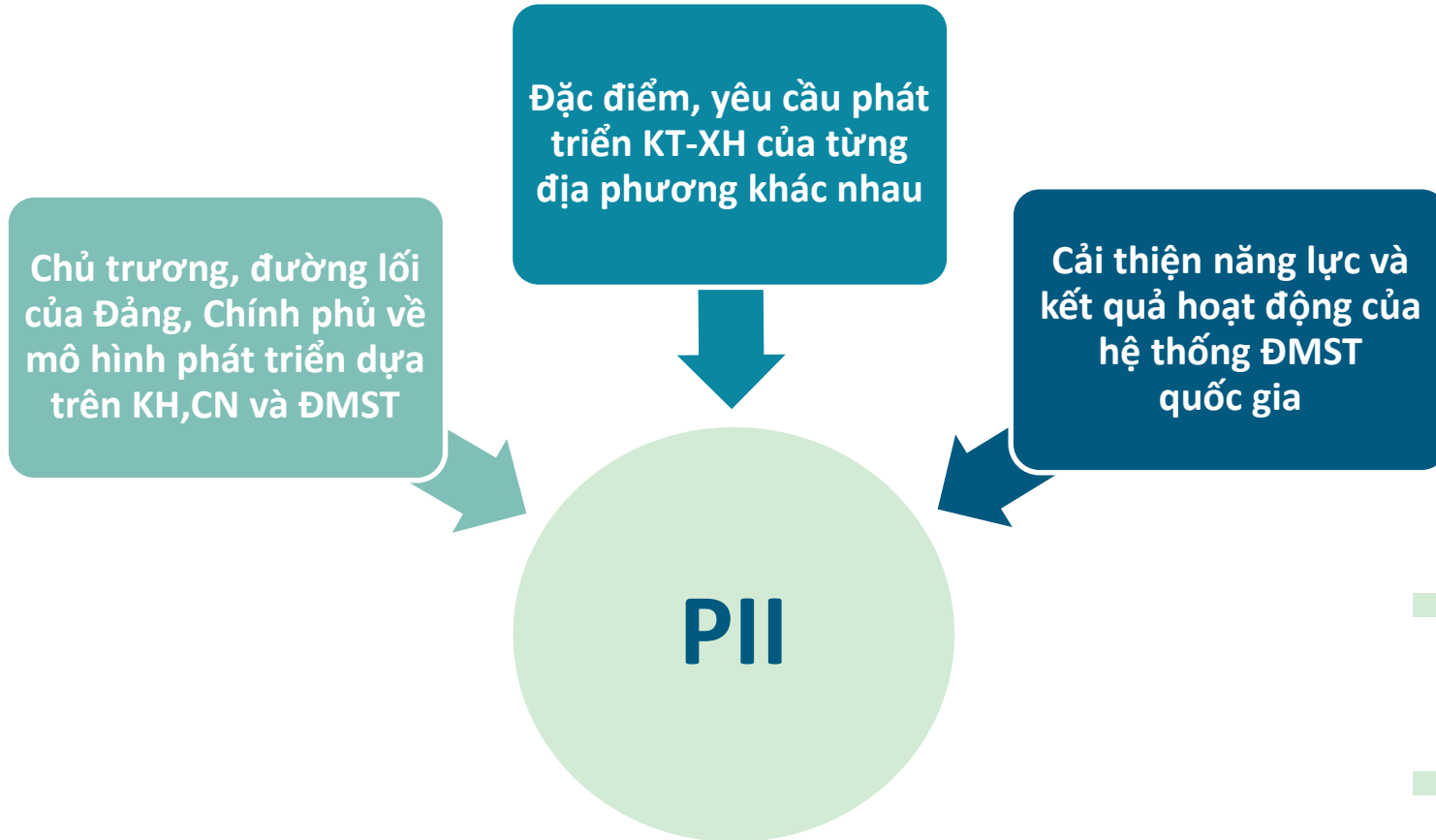


CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CẤP ĐỊA PHƯƠNG 2023

GIỚI THIỆU CHUNG

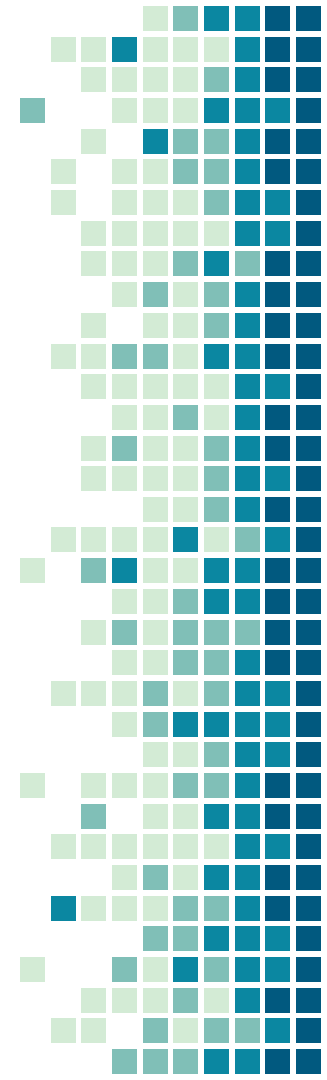
Ngày 22/6/2023

SỰ CẦN THIẾT



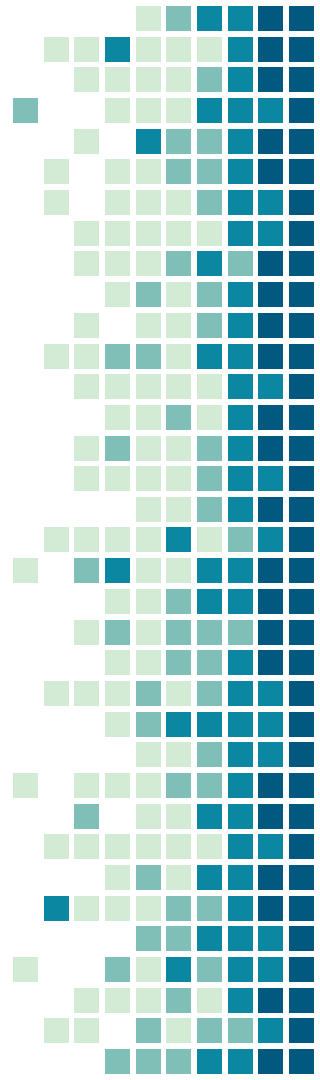
MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA

- 1.** Cung cấp **bức tranh tổng thể** về hiện trạng mô hình phát triển KT-XH dựa trên KHCN&ĐMST của từng địa phương. Chỉ rõ các **điểm mạnh, điểm yếu**, các yếu tố **tiềm năng** và điều kiện cần thiết để thúc đẩy phát triển KT-XH
- 2.** Cung cấp **cơ sở khoa học** và **bằng chứng** để **xây dựng và thực thi** hiệu quả các **chính sách** nhằm thúc đẩy, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển KT-XH dựa trên KHCN&ĐMST ở địa phương
- 3.** Cung cấp **công cụ** để đánh giá năng lực, kết quả ĐMST; chất lượng điều hành, QLNN về ĐMST; xây dựng các chỉ tiêu về KHCN&ĐMST trong các chiến lược, kế hoạch của địa phương



MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA

4. Thúc đẩy thực hiện các sáng kiến, giải pháp phát triển KT-XH địa phương dựa trên ĐMST, tận dụng các thế mạnh và vượt qua các thách thức
5. Thông tin tham khảo hữu ích để các nhà đầu tư, các doanh nghiệp quyết định quy mô, hình thức đầu tư tại địa phương
6. Góp phần nâng cao năng lực và kết quả ĐMST quốc gia; góp phần thực hiện Chiến lược phát triển KT-XH, Chiến lược phát triển KH-CN&ĐMST, Chiến lược Sở hữu trí tuệ, Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)...

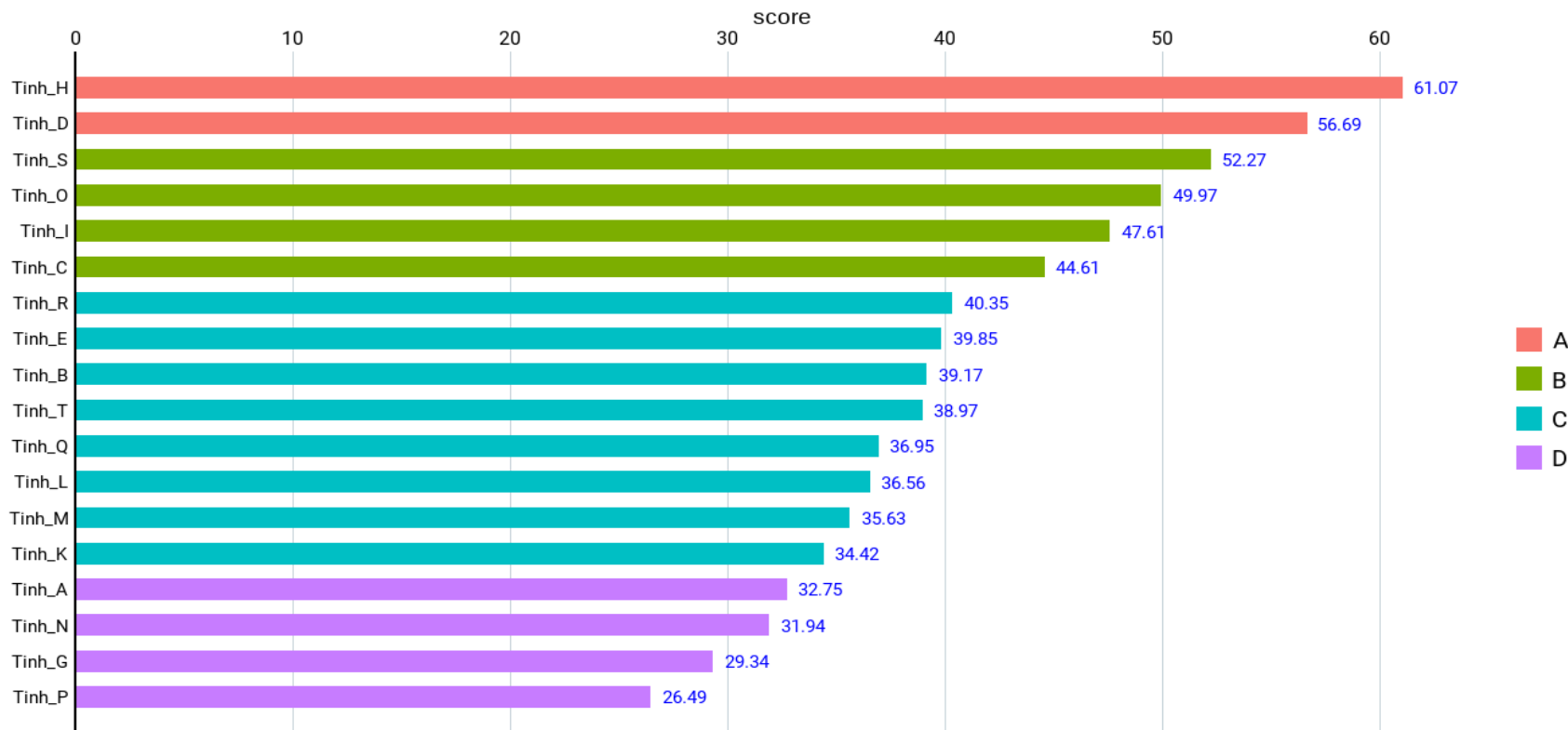


“ Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với cơ quan, địa phương và WIPO và các tổ chức liên quan **xây dựng bộ chỉ số ĐMST cấp địa phương** và tổ chức đánh giá thử nghiệm tại một số địa phương nhằm đo lường năng lực ĐMST và kết quả ĐMST của từng địa phương, **đồng bộ với chỉ số ĐMST toàn cầu GII của Việt Nam.**

Nghị quyết phiên họp đầu năm 2022 của
Chính phủ - Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày
30/01/2022

CÁC ĐỊA PHƯƠNG THAM GIA THỬ NGHIỆM 2022

Điểm số tổng hợp của các tỉnh tham gia thử nghiệm PII 2022



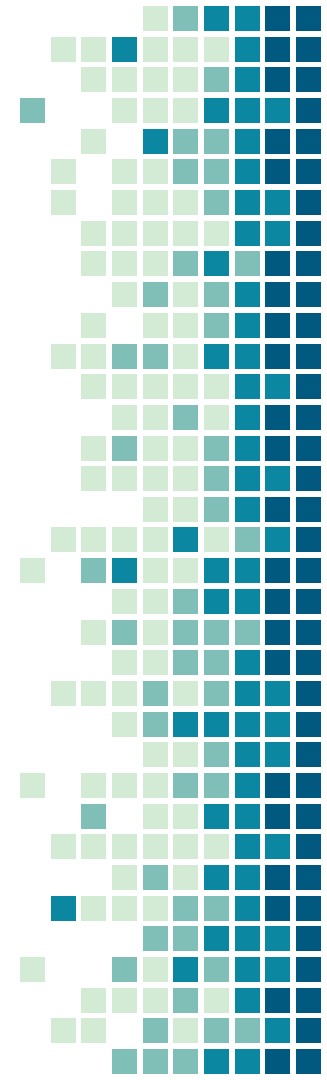
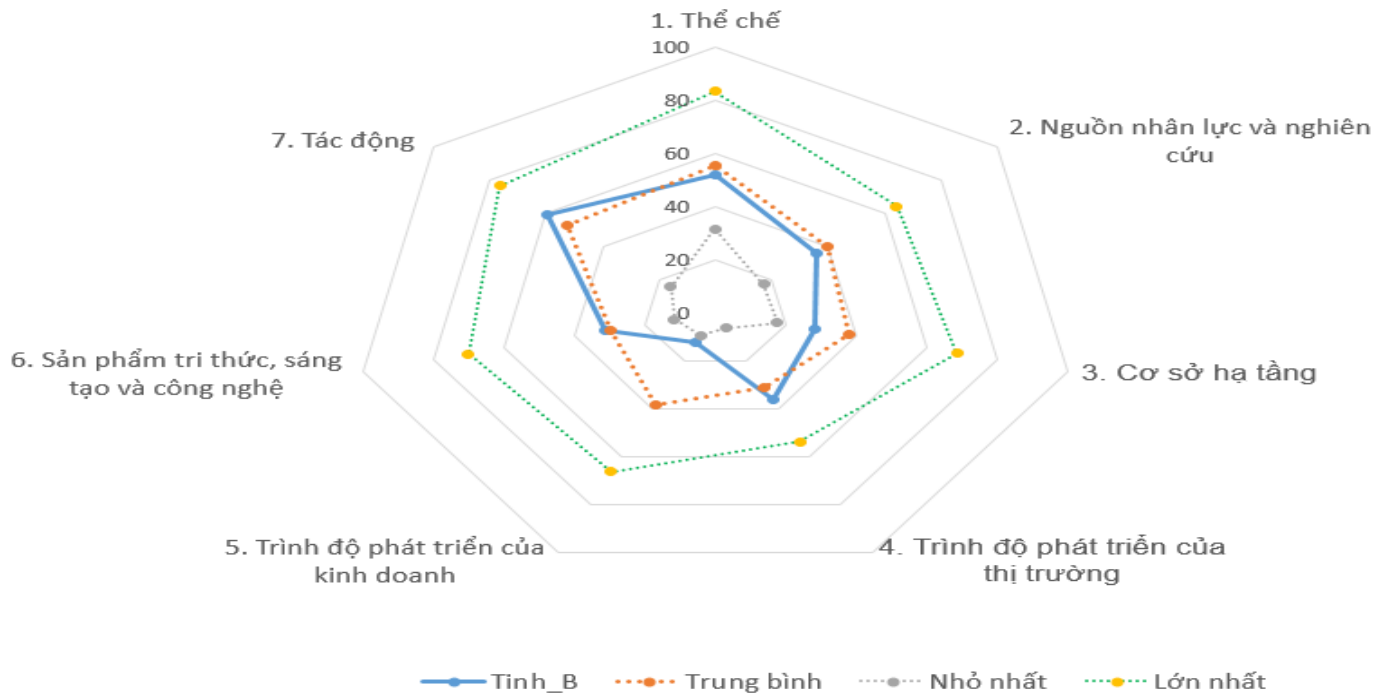
PHÂN TÍCH THEO TỪNG ĐỊA PHƯƠNG

Đầu vào Đối mới sáng tạo		33.05	16
Chỉ số	Điểm Số/ Giá trị	Hạng	
1. Thể chế	51.90	11	
1.1. Môi trường chính sách	44.98	14	
1.1.1. Ban hành và tổ chức thực hiện CS thúc đẩy ĐMST phục vụ phát triển KT-XH	20.98	16	
1.1.2. Thiết kế pháp lý và an ninh trật tự	48.60	13	
1.1.3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	65.37	9	
1.2. Môi trường kinh doanh	58.82	7	
1.2.1. Chi phí gia nhập thị trường	62.11	4	
1.2.2. Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	72.63	8	
1.2.3. Cải cách hành chính	49.17	14	
1.2.4. Cảnh tranh bình đẳng	51.37	12	
2. Nguồn nhân lực và nghiên cứu	36.05	10	
2.1. Giáo dục	59.21	6	
2.1.1. Chỉ số giáo dục	15.04	15	
2.1.2. Tỷ lệ HS/GV THCS và THPT	80.94	2	
2.1.3. Tỷ lệ trường THCS, THPT có đào tạo STEM/STEAM	100.00	1	
2.1.4. Chỉ cho giáo dục/tổng chi NSNN ĐP	40.88	5	
2.2. Nghiên cứu và phát triển	12.88	11	
2.2.1. Nhân lực NC&PT/10.000 dân	5.66	16	
2.2.2. Chi Khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước/tổng chi NSNN ĐP	0.32	4	
2.2.3. Chi NC&PT/tổng NSNN của địa phương	1.27	16	
3. Cơ sở hạ tầng	28.43	16	
3.1. Hạ tầng ICT	41.01	6	
3.1.1. Hạ tầng ICT	46.31	9	
3.1.2. Dịch vụ công trực tuyến	35.71	6	
3.2. Cơ sở hạ tầng chung	15.85	17	
3.2.1. Cơ sở hạ tầng chung	21.82	11	
3.2.2. Tỷ lệ diện tích đất CN đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các KCN, %	0.21	16	
3.2.3. Quản trị Môi trường	25.73	10	
4. Trình độ phát triển của thị trường	36.36	8	
4.1. Tài chính và đầu tư	40.86	4	
4.1.1. Tín dụng nội địa cho khu vực tư nhân, % GRDP	82.60	10	
4.1.2. Vay tài chính vi mô, % GRDP	0.01	13	
4.1.3. Kết quả hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN địa phương	32.56	1	
4.2. Dịch vụ hỗ trợ	31.86	11	
4.2.1. Số DN ngành dịch vụ chuyên môn KH&CN/1000 DN	21.07	14	
4.2.2. Số tổ chức hỗ trợ DN về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng/1000 DN	42.66	3	
5. Trình độ phát triển của kinh doanh	12.50	17	
5.1. Lao động có kiến thức	20.51	17	
5.1.1. Chi phí đào tạo lao động, % tổng chi của doanh nghiệp	5.39	16	
5.1.2. Chi R&D của doanh nghiệp/tổng chi R&D	n/a	n/a	
5.1.3. Tỷ lệ DN có hoạt động R&D	0.40	14	

Kết quả PII 2022 Đầu ra Đối mới sáng tạo		39.17	9
Chỉ số	Điểm Số/ Giá trị	Hạng	
5.2. Liên kết sáng tạo	1.61	17	
5.2.1. Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	0.00	11	
5.2.2. Tỷ lệ DN đang hoạt động trong các KCN, % tổng DN đang hoạt động	0.26	15	
5.2.3. Tỷ lệ DNNVV, HTX trong các cụm CN/tổng DNNVV, HTX đang hoạt động	0.08	14	
5.3. Hấp thu tri thức	15.38	15	
5.3.1. Số cán bộ nghiên cứu trong doanh nghiệp/10.000 dân	n/a	n/a	
5.3.2. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP	0.00	18	
5.3.3. Doanh nghiệp có hoạt động ĐMST	0.50	15	
5.3.4. Tỷ lệ DN có chứng chỉ ISO	16.92	10	
5.3.5. Kinh tế số	35.50	12	
6. Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ	31.07	8	
6.1. Sáng tạo tri thức	6.10	10	
6.1.1. Đơn đăng kí bảo hộ sáng chế/10.000 dân	0.00	18	
6.1.2. Đơn đăng kí bảo hộ GPHI/10.000 dân	12.20	10	
6.1.3. Đơn đăng kí giống cây trồng/10.000 dân	n/a	n/a	
6.2. Tài sản vô hình	68.88	1	
6.2.1. Đơn đăng kí nhãn hiệu/10.000 dân	59.87	4	
6.2.2. Đơn đăng kí Kiểu dáng công nghiệp/10.000 dân	46.76	8	
6.2.3. Số chỉ dẫn địa lí được cấp GCN bảo hộ	100.00	1	
6.3. Lan tỏa tri thức	18.25	15	
6.3.1. Bài báo, công bố ấn phẩm khoa học /tổng số nhiệm vụ KH&CN	45.44	7	
6.3.2. Số DN mới thành lập/10.000 dân	3.46	16	
6.3.3. Số DN KH&CN và DN đủ điều kiện là DN KH&CN/1000 DN	3.99	17	
6.3.4. Tỷ lệ DN khởi nghiệp sáng tạo mới thành lập/tổng DN mới thành lập	0.24	7	
7. Tác động	59.49	7	
7.1. Tác động đến sản xuất - kinh doanh	61.29	4	
7.1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp	27.16	14	
7.1.2. Số sản phẩm OCOP/tổng số đơn vị hành chính cấp xã	95.42	3	
7.2. Tác động đến KT-XH	57.70	8	
7.2.1. Tỷ lệ hộ nghèo	4.59	11	
7.2.2. Tỷ lệ LĐ từ 15 tuổi trở lên đang làm việc, % tổng dân số	48.04	10	
7.2.3. Chỉ số sức khỏe	86.87	4	
7.2.4. Thu nhập bình quân đầu người	36.73	14	

PHÂN TÍCH THEO TỪNG ĐỊA PHƯƠNG

Điểm số của các trụ cột trong PII 2022 của tỉnh B



PHÂN TÍCH THEO TỪNG ĐỊA PHƯƠNG

Điểm mạnh	Điểm số	Hạng
-----------	---------	------

2.1.3. Tỷ lệ trường THCS, THPT có đào tạo STEM/STEAM	100	1
--	-----	---

4.1.3. Kết quả hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN địa phương	100	1
--	-----	---

6.2.3. Số lượng chỉ dẫn địa lí được đã được cấp giấy chứng nhận bảo hộ	100	1
--	-----	---

2.1.2. Tỷ lệ HS/GV THCS và THPT	80.9	2
---------------------------------	------	---

7.1.2. Số sản phẩm OCOP/tổng số đơn vị hành chính cấp xã	95.4	3
--	------	---

Điểm yếu	Điểm số	Hạng
----------	---------	------

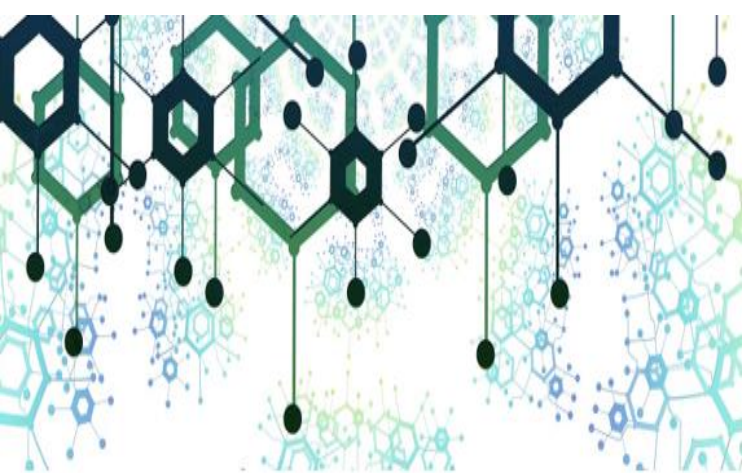
5.1.1. Chi phí đào tạo lao động, % tổng chi của doanh nghiệp	29.00	16
--	-------	----

1.1.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản thúc đẩy, quản lí ĐMST phục vụ	21.00	16
---	-------	----

2.2.1. Nhân lực NC&PT/10.000 dân	5.66	16
----------------------------------	------	----

2.2.3. Chi NC&PT/tổng NSNN của địa phương	1.27	16
---	------	----

6.3.3. Số doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp đủ điều kiện là doanh nghiệp	3.99	17
---	------	----



Vietnam Provincial Innovation Index 2022

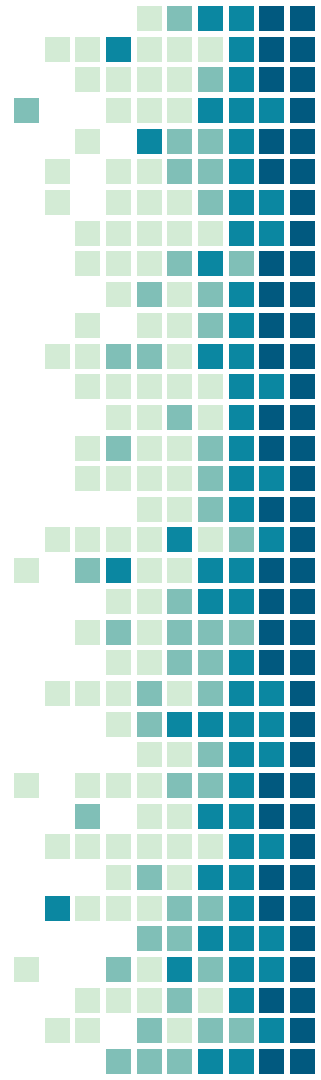
Statistical and methodological audit

William Becker

December 2022

An independent audit produced on request of the Government of Vietnam
Provided with the support of the World Intellectual Property Organization (WIPO)

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH 2022



KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH 2022

- ✓ Khung chỉ số và các chỉ số thành phần được thiết kế phù hợp về mặt lý luận cũng như về mặt thống kê
- ✓ Các chỉ số đã được lựa chọn cẩn thận theo cấu trúc của GII nhưng không tuyệt đối giống GII để phù hợp với các địa phương của Việt Nam
- ✓ Đa số các chỉ số đã phản ánh được hiện trạng của đối tượng được đo lường. Một vài chỉ số cần cân nhắc điều chỉnh trong những năm sau.

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH 2022

- ✓ Các bước xử lý dữ liệu, tính toán điểm số và thứ hạng đã tuân theo phương pháp luận hợp lý
- ✓ Áp dụng phương pháp tính toán tốt nhất, thực hiện đầy đủ, chính xác, minh bạch và đáng tin cậy
- ✓ Có thể xem xét thêm một số cách thức xử lý giá trị ngoại lệ, phương pháp chuẩn hóa dựa trên thứ hạng và phân tích tương quan giữa các chỉ số thành phần và với các bộ chỉ số khác

TRIỂN KHAI TRÊN TOÀN QUỐC TỪ NĂM 2023

Kết quả thử nghiệm và kiểm định cho thấy chỉ số PII đủ mạnh và đủ tin cậy để đưa ra những kết luận hữu ích

→ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2023 Chính phủ đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ ***“chính thức triển khai Bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương trên phạm vi toàn quốc từ năm 2023”***

TRIỂN KHAI TRÊN TOÀN QUỐC TỪ NĂM 2023

WIPO

(chuyên gia GII; chuyên gia quốc tế;
chuyên gia thẩm định)

**Các Bộ, cơ quan,
tổ chức trung ương**

(cung cấp dữ liệu thứ cấp, ý kiến
chuyên gia)

PII

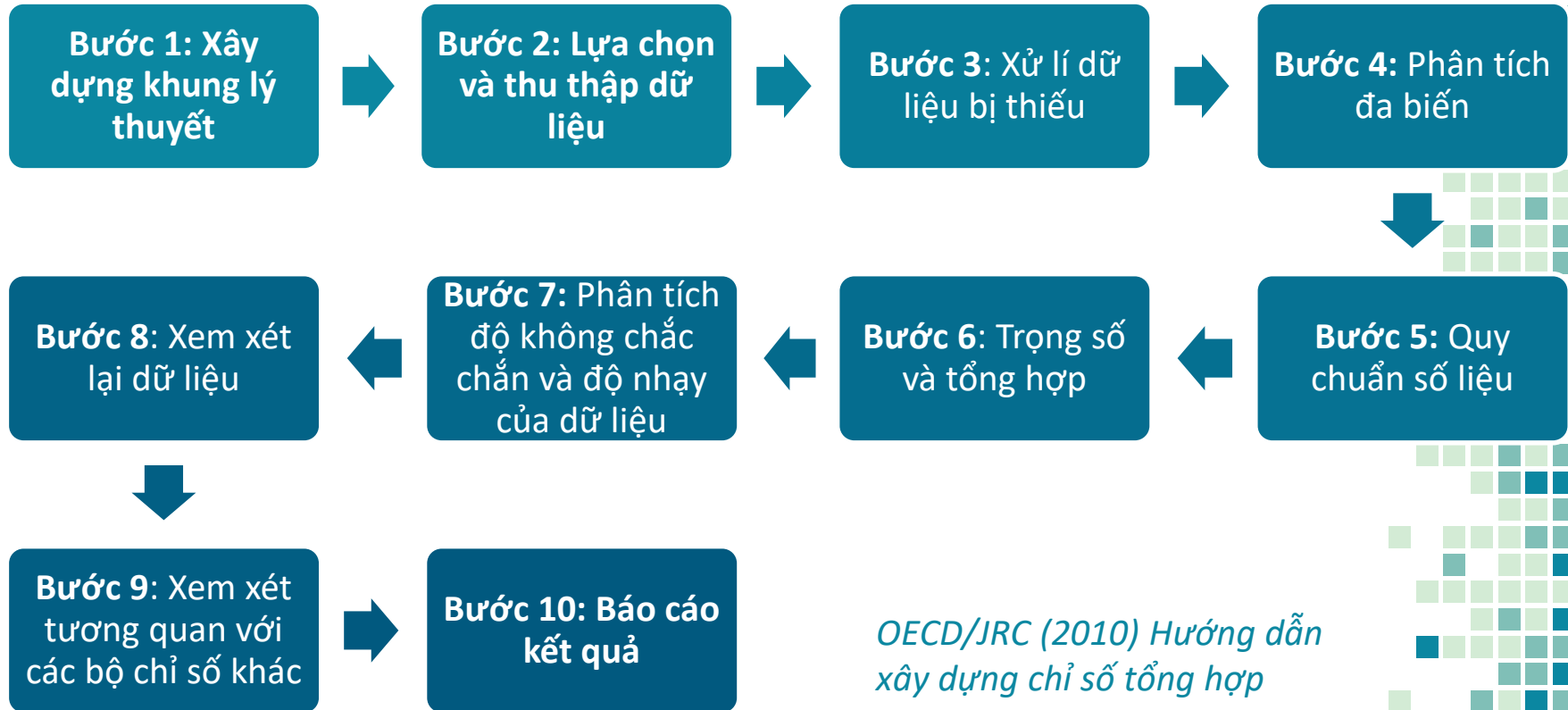
BỘ KH&CN

(Cục SHTT; Cục TT KH&CNQG;
Cục PTTT; Tổng cục TĐC: cung cấp
dữ liệu thứ cấp, hướng dẫn ĐP;
Vụ ĐP, Vụ HTQG: phối hợp)

Các địa phương

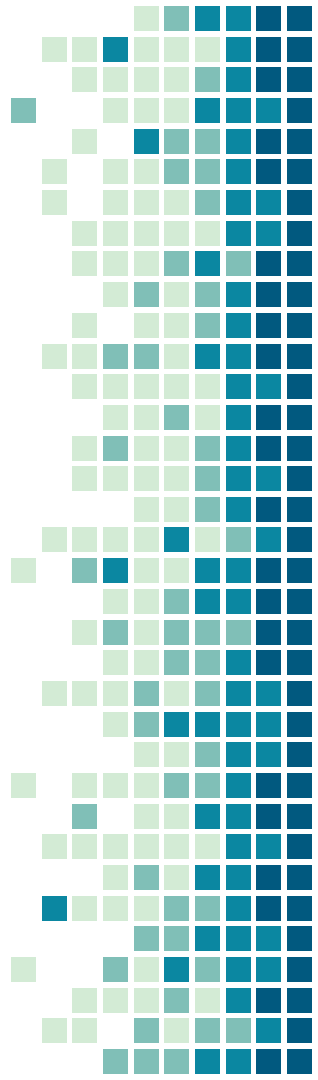
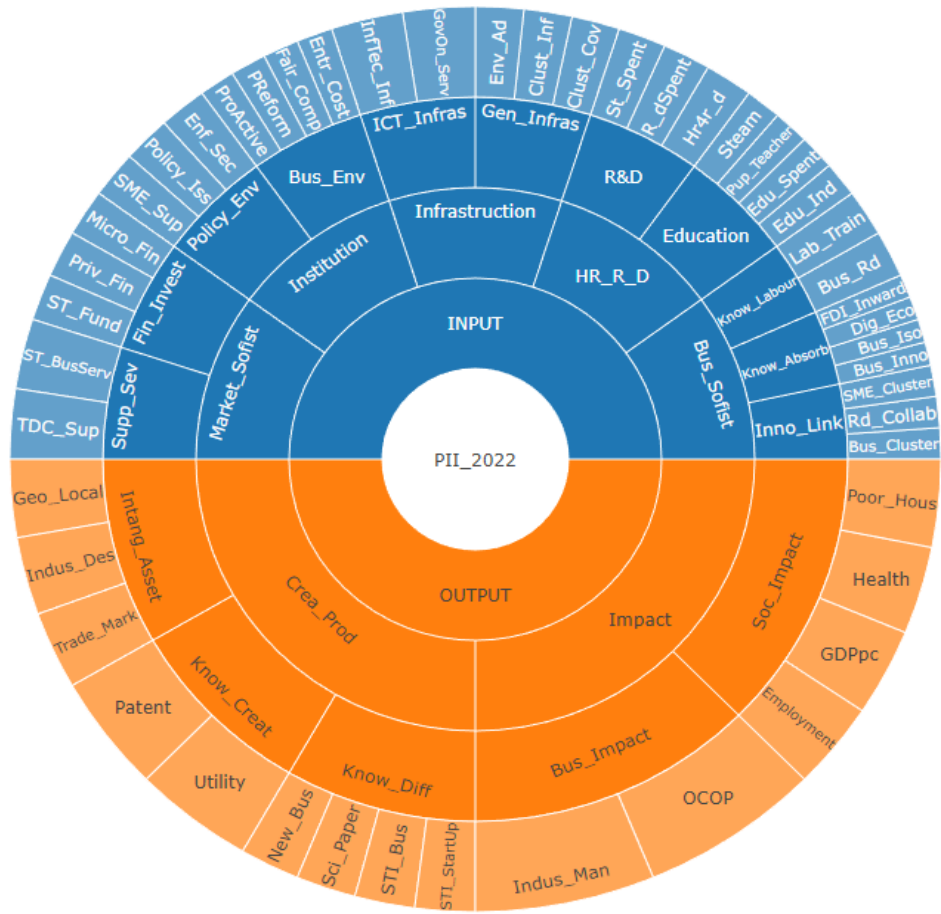
(Tổ chức thu thập, cung cấp
thông tin, tài liệu minh chứng; sử
dụng kết quả)

PHƯƠNG PHÁP



OECD/JRC (2010) Hướng dẫn xây dựng chỉ số tổng hợp

KHUNG CHỈ SỐ



KHUNG CHỈ SỐ

GII (80 chỉ số)

1. Thể chế (7)

2. Nguồn nhân lực và nghiên cứu (12)

3. Cơ sở hạ tầng (10)

4. Trình độ phát triển của thị trường (9)

5. Trình độ phát triển của kinh doanh (15)

6. Sản phẩm tri thức và công nghệ (14)

7. Sản phẩm sáng tạo (13)

PII (51 chỉ số)

1. Thể chế (7:1)

2. Nguồn nhân lực và nghiên cứu (8:4)

3. Cơ sở hạ tầng (5:1)

4. Trình độ phát triển của thị trường (6:1)

5. Trình độ phát triển của kinh doanh
(10:3)

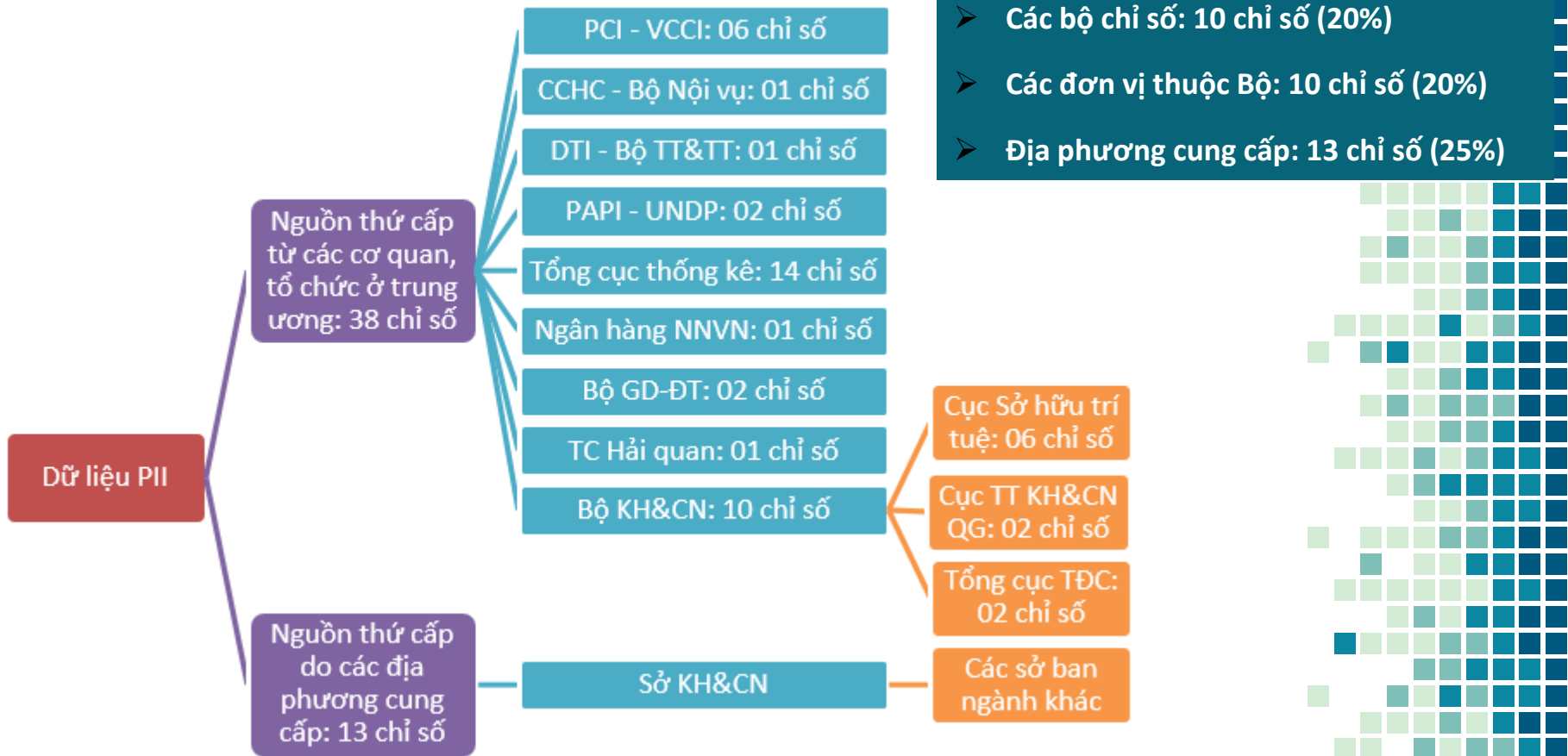
6. Sản phẩm tri thức, sáng tạo và CN (9:2)

7. Tác động (6:1)

KHUNG CHỈ SỐ



NGUỒN DỮ LIỆU



TRIỂN KHAI TRÊN TOÀN QUỐC TỪ NĂM 2023



NHIỆM VỤ CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

- Xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng năm để thúc đẩy phát triển KT-XH của địa phương dựa trên KHCN&ĐMST
- Phân công đơn vị chủ trì, điều phối (**Sở KH&CN**)
- Ưu tiên bố trí kinh phí, nguồn lực để thu thập thông tin và xây dựng các giải pháp chính sách cho địa phương dựa trên kết quả đánh giá, xếp hạng
- Tổ chức thu thập, cung cấp, xác minh dữ liệu
- Sử dụng các kết quả đánh giá vào công tác chỉ đạo, điều hành, xây dựng và thực hiện các biện pháp, giải pháp thúc đẩy phát triển KT-XH dựa trên KH&CN&ĐMST của địa phương, góp phần nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh, năng lực ĐMST của các địa phương và của quốc gia

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!